

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 46

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thập	Thành viên
	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 05/05/2018)
	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 05/05/2018)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Kiều Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Số: 651/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2018, từ trang 04 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2018

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.844.517.039.358	1.652.866.416.498
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	140.761.488.691	103.977.942.158
1. Tiền	111		105.761.488.691	103.977.942.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		772.321.355.715	800.627.381.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	617.095.968.200	649.415.339.459
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.686.781.296	81.719.521.898
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	70.461.684.875	70.773.723.214
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(923.078.656)	(1.281.203.571)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	876.390.378.755	716.056.207.902
1. Hàng tồn kho	141		878.595.634.911	718.261.464.058
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.205.256.156)	(2.205.256.156)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		55.043.816.197	32.204.885.438
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	10.088.704.290	15.732.063.351
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		41.133.673.063	14.702.012.873
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	3.821.438.844	1.770.809.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		604.493.467.242	630.403.702.522
I Các khoản phải thu dài hạn	210		23.135.179.326	56.769.114.822
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	23.135.179.326	56.769.114.822
II Tài sản cố định	220		286.157.882.917	269.443.321.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	264.008.524.669	244.692.035.196
- Nguyên giá	222		744.809.868.024	717.405.098.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(480.801.343.355)	(472.713.063.260)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	22.149.358.248	24.751.286.268
- Nguyên giá	228		41.254.610.032	41.254.610.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.105.251.784)	(16.503.323.764)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.297.132.968	20.636.297.712
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.297.132.968	20.636.297.712
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	257.672.871.825	245.895.803.579
1. Đầu tư vào công ty con	251		157.035.268.520	152.908.200.274
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		69.380.739.920	58.861.989.920
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	34.125.613.385
VI Tài sản dài hạn khác	260		36.230.400.206	37.659.164.945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	36.230.400.206	37.659.164.945
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.449.010.506.600	2.283.270.119.020

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.143.014.398.063	1.960.866.006.869
I- Nợ ngắn hạn	310		2.034.814.002.039	1.859.708.010.448
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	282.955.478.258	280.376.891.231
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.149.382.680	9.699.375.125
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.222.165.392	6.287.873.733
4. Phải trả người lao động	314		49.403.138.719	90.327.994.229
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	24.006.153.172	39.966.664.735
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	5.912.065.863	12.054.922.758
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	36.345.823.476	21.527.938.855
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.562.584.201.086	1.341.689.955.034
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	39.860.750.361	39.860.750.361
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.374.843.032	17.915.644.387
II- Nợ dài hạn	330		108.200.396.024	101.157.996.421
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	695.016.500	1.023.054.500
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.12	24.917.461.925	22.869.583.121
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	3.546.246.092	4.794.960.183
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	79.041.671.507	72.470.398.617
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		305.996.108.537	322.404.112.151
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	305.996.108.537	322.404.112.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.399.897.713	31.399.897.713
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.596.210.824	109.004.214.438
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		63.504.214.438	46.842.496.709
- LNST chưa phân phối kì này	421b		29.091.996.386	62.161.717.729
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.449.010.506.600	2.283.270.119.020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Võ Nguyễn Thủy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 năm 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.555.448.742.853	1.336.724.088.561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	8.294.047.585	5.534.026.752
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.547.154.695.268	1.331.190.061.809
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.215.252.964.852	1.024.116.676.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		331.901.730.416	307.073.384.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	17.825.686.396	22.717.165.581
7. Chi phí tài chính	22	5.20	26.312.852.283	15.920.505.951
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.577.164.508	11.366.855.818
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	147.717.276.602	136.039.235.055
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	135.520.274.580	138.028.109.663
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		40.177.013.347	39.802.699.778
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.323.042.709	641.729.641
12. Chi phí khác	32	5.23	72.213.117	288.277.384
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.250.829.592	353.452.257
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		41.427.842.939	40.156.152.035
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	6.794.513.908	5.919.271.349
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		34.633.329.031	34.236.880.686

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

(Handwritten initials)

(Handwritten signature)



Võ Nguyễn Thuỳ Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	41.427.842.939	40.156.152.035
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	29.624.169.812	30.165.069.885
- Các khoản dự phòng	3	(358.124.915)	(33.716.066)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(11.934.028.988)	(21.747.746.488)
- Chi phí lãi vay	6	19.577.164.508	11.366.855.818
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	78.337.023.356	59.906.615.184
- Biến động các khoản phải thu	9	31.815.795.876	(46.376.257.639)
- Biến động hàng tồn kho	10	(160.334.170.853)	(69.987.158.272)
- Biến động các khoản phải trả	11	(57.636.640.954)	(126.930.446.996)
- Biến động chi phí trả trước	12	7.072.123.800	2.552.859.793
- Tiền lãi vay đã trả	14	(19.577.164.508)	(11.366.855.818)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.909.549.347)	(9.152.043.852)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.082.134.000)	(3.604.139.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(136.314.716.630)	(204.957.426.602)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(33.834.963.301)	(18.197.827.456)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.758.807.690	15.304.672.107
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.777.068.246)	(11.972.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.010.618.078	14.001.581.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.842.605.779)	(863.573.724)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.674.411.776.465	1.301.211.147.440
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.446.946.257.523)	(1.022.923.239.558)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.524.650.000)	(45.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	197.940.868.942	232.787.907.882
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	36.783.546.533	26.966.907.556
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	103.977.942.158	46.203.334.462
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	140.761.488.691	73.170.242.018

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc

(Signature)

(Signature)



Võ Nguyễn Thuý Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu B 09a-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 182.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	1.780.000	17.800.000.00	9,78%
Công ty CP TM & Vận tải Biển Bom	49.122	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	11.330.878	113.308.780.000	62,26%
Tổng	18.200.000	182.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 30/06/2018: 4.404 người (31/12/2017 là: 5.185 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con	
Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%
Công ty Cổ phần May Đức Linh	60,00%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	51,57%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	82,35%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Hậu Giang	71,24%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	87,50%
Công ty liên kết	
Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%
Công ty CP Truyền Thông và Du lịch NBC	45,43%
Công ty CP May Nam Định	26,78%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%
Công ty CP May Sông Tiền	43,89%
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,90%
Các đơn vị phụ thuộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May An Giang	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Đà Nẵng	
Chi Nhánh 3 – Tổng công May Nhà Bè – CTCP tại Hà Nội	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Hải Phòng	
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh Nam Định	
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại UK	

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ Kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 30/06/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 30/06/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toánTài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.** Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.**

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.552.795.034	7.891.633.416
Tiền gửi ngân hàng	103.208.693.657	96.086.308.742
Các khoản tương đương tiền (*)	35.000.000.000	-
Tổng	140.761.488.691	103.977.942.158

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu với lãi suất 5,3%/năm.

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	617.095.968.200	649.415.339.459
Canda	9.434.991.653	11.083.856.521
Motives	29.839.997.914	28.235.125.479
Prominen/ Itochu	13.425.777.961	15.415.427.039
JC Penny	32.449.591.780	38.194.011.787
PVH	9.397.527.388	11.615.072.263
ARCADIA	27.893.783.195	35.438.604.139
BMB Clothing Group	27.900.799.310	41.026.113.023
Debenhams Retail	5.712.759.220	11.696.120.262
Generos	12.627.143.018	24.262.890.217
Primark	8.616.947.370	30.502.851.190
River	9.482.010.386	11.445.596.543
Công ty CP May Gia Phúc	31.802.851.985	26.683.331.045
Vinatex (VSC)	66.625.756.038	57.867.174.827
Matalan	25.031.519.721	9.914.956.339
Peerless	26.965.166.324	-
Công ty CP May Đức Linh	37.272.681.839	-
Phải thu các đối tượng khác	242.616.663.098	296.034.208.785
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	617.095.968.200	649.415.339.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.3 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	70.461.684.875	-	70.773.723.214	-
- Phải thu bảo hiểm	2.345.393.969	-	3.114.195.227	-
- Ứng tiền đầu tư dự án Sóc Trăng	11.028.437.182	-	8.008.336.539	-
- Bùi Thị Mỹ Linh	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-
- Công ty CP May Hoài Ân	1.942.082.192	-	2.000.000.000	-
- Phải thu tạm ứng	1.990.789.427	-	4.983.945.884	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	29.469.810.280	-	27.765.050.741	-
- Phải thu bán nguyên phụ liệu	1.929.239.571	-	1.944.509.732	-
- Phải thu lãi	-	-	3.078.582.192	-
- Ký quỹ ký cược	561.562.250	-	206.220.750	-
- Phải thu khác	10.813.493.848	-	12.672.882.149	-
- Phải thu người lao động	3.380.876.156	-	-	-
Dài hạn	23.135.179.326	-	56.769.114.822	-
- Ký quỹ ký cược	3.328.691.997	-	3.608.553.672	-
- Công ty CP May Phù Cát	6.340.275.000	-	6.340.275.000	-
- Mua đất dự án Long Thới	-	-	34.296.286.150	-
- Phải thu các công ty con, liên kết	13.463.212.329	-	12.000.000.000	-
- Phải thu khác	3.000.000	-	524.000.000	-
Tổng	93.596.864.201	-	127.542.838.036	-

5.4 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	4.262.018.364	-	48.892.618	-
Nguyên liệu, vật liệu	367.136.247.896	-	283.958.158.096	-
Công cụ, dụng cụ	5.075.877.496	-	1.723.446.437	-
Chi phí SX KDDD	322.497.295.013	-	282.076.937.654	-
Thành phẩm	90.258.095.342	(483.098.881)	64.199.534.486	(483.098.881)
Hàng hóa	15.462.257.626	(1.327.544.905)	10.203.082.128	(1.327.544.905)
Hàng gửi bán	73.903.843.174	(394.612.370)	76.051.412.639	(394.612.370)
Tổng	878.595.634.911	(2.205.256.156)	718.261.464.058	(2.205.256.156)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.5 Chi phí trả trước

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn	10.088.704.290	15.732.063.351
Chi phí bảo hiểm	854.398.261	2.233.803.198
Chi phí công cụ dụng cụ	628.327.125	1.413.352.130
Máy móc thiết bị	210.265.699	123.752.795
Phân bổ phụ tùng	1.065.847.135	2.583.395.106
Chi phí quảng cáo	902.644.498	637.226.281
Chi phí sửa chữa	923.627.270	1.434.168.096
Chi phí thuê mặt bằng	2.897.462.901	5.334.584.957
Tiền thuê đất	283.476.211	-
Khác	2.322.655.190	1.971.780.788
b) Dài hạn	36.230.400.206	37.659.164.945
Chi phí thuê đất	14.930.440.486	15.155.559.928
Chi phí CCDC	5.462.322.356	5.549.377.559
Chi phí quảng cáo	450.240.227	485.542.942
Chi phí sửa chữa	7.869.147.014	9.582.003.213
Chi phí phụ tùng	622.906.668	1.361.996.696
Máy móc thiết bị	5.763.379.398	5.126.761.558
Khác	1.131.964.057	397.923.049
Tổng	46.319.104.496	53.391.228.296

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

5.6 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	250.248.509.563	417.081.227.315	37.966.956.352	12.108.405.226	717.405.098.456
Tăng trong kỳ	2.802.158.988	59.826.628.492	59.888.974.127	149.815.078	122.667.576.685
Mua trong kỳ	-	29.705.295.245	1.059.271.817	149.701.818	30.914.268.880
Chuyển từ Xây dựng cơ bản	1.815.036.651	18.677.430.486	1.767.392.028	-	22.259.859.165
Tăng khác	76.870.537	1.324.759.417	57.062.310.282	113.260	58.464.053.496
Điều chuyển nội bộ	910.251.800	10.119.143.344	-	-	11.029.395.144
Giảm trong kỳ	19.239.937.856	69.944.188.199	1.360.475.792	4.718.205.270	95.262.807.117
Thanh lý nhượng bán	-	24.423.383.764	1.345.974.713	-	25.769.358.477
Giảm khác	18.329.686.056	35.401.661.091	14.501.079	4.718.205.270	58.464.053.496
Điều chuyển nội bộ	910.251.800	10.119.143.344	-	-	11.029.395.144
Số dư tại 30/06/2018	233.810.730.695	406.963.667.608	96.495.454.687	7.540.015.034	744.809.868.024
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	146.882.845.752	294.611.689.224	21.275.555.367	9.942.972.917	472.713.063.260
Tăng trong kỳ	6.004.301.127	19.426.265.076	52.785.931.051	416.162.905	78.632.660.159
Khấu hao trong kỳ	5.948.271.528	18.454.033.143	2.272.878.684	347.058.437	27.022.241.792
Điều chuyển nội bộ	-	64.867.500	-	-	64.867.500
Tăng khác	56.029.599	907.364.433	50.513.052.367	69.104.468	51.545.550.867
Giảm trong kỳ	11.307.666.045	54.389.218.702	742.500.506	4.104.994.811	70.544.380.064
Thanh lý nhượng bán	-	18.249.721.242	684.240.455	-	18.933.961.697
Điều chuyển nội bộ	-	-	-	64.867.500	64.867.500
Giảm khác	11.307.666.045	36.139.497.460	58.260.051	4.040.127.311	51.545.550.867
Số dư tại 30/06/2018	141.579.480.834	259.648.735.598	73.318.985.912	6.254.141.011	480.801.343.355
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	103.365.663.811	122.469.538.091	16.691.400.985	2.165.432.309	244.692.035.196
Tại ngày 30/06/2018	92.231.249.861	147.314.932.010	23.176.468.775	1.285.874.023	264.008.524.669

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2018: 282.728.754.825 đồng (tại ngày 31/12/2017: 295.675.197.455 đồng).

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu, hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2018	10.412.905.271	5.838.965.451	25.002.739.310	41.254.610.032
Tăng trong kỳ	-	-	1.624.195.797	1.624.195.797
Tăng khác	-	-	1.624.195.797	1.624.195.797
Giảm trong kỳ	1.578.713.790	45.482.007	-	1.624.195.797
Giảm khác	1.578.713.790	45.482.007	-	1.624.195.797
Số dư tại 30/06/2018	8.834.191.481	5.793.483.444	26.626.935.107	41.254.610.032
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2018	2.310.305.777	4.899.604.329	9.293.413.658	16.503.323.764
Tăng trong kỳ	345.008.127	350.947.528	2.433.682.984	3.129.638.639
Khấu hao trong kỳ	185.977.347	350.947.528	2.065.003.145	2.601.928.020
Tăng khác	159.030.780	-	368.679.839	527.710.619
Giảm trong kỳ	-	527.710.619	-	527.710.619
Giảm khác	-	527.710.619	-	527.710.619
Số dư tại 30/06/2018	2.655.313.904	4.722.841.238	11.727.096.642	19.105.251.784
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2018	8.102.599.494	939.361.122	15.709.325.652	24.751.286.268
Tại 30/06/2018	6.178.877.577	1.070.642.206	14.899.838.465	22.149.358.248

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

Tên công ty	Tỷ lệ			30/06/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				157.035.268.520	-	-	152.908.200.274	-	-
1 Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	1.275.000	12.750.000.000			12.750.000.000		
2 Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%	581.765	5.817.648.520			5.817.648.520		
3 Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%	1.153.562	11.535.620.000			11.535.620.000		
4 Công ty CP May An Nhơn	0,00%	0,00%	-	-			7.650.000.000		
5 Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	51,57%	51,57%	1.470.000	14.700.000.000			16.700.000.000		
6 Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè	60,00%	60,00%	3.000.000	30.000.000.000			23.222.931.754		
7 Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%	1.530.000	15.300.000.000			15.300.000.000		
8 Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%	765.000	7.650.000.000			7.650.000.000		
9 Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	82,35%	82,35%	1.400.000	14.000.000.000			7.000.000.000		
10 Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	71,24%	71,24%	2.778.200	27.782.000.000			27.782.000.000		
11 Công ty CP May Gia Phúc	87,50%	87,50%	1.750.000	17.500.000.000			17.500.000.000		
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				69.380.739.920	-	-	58.861.989.920	7.563.360.000	-
1 Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	33,19%	33,19%	922.382	9.223.819.263			9.223.819.263	7.563.360.000	
2 Công ty CP May Nam Định	26,78%	26,78%	522.792	5.227.920.657			3.889.170.657		
3 Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Thương mại Nhà Bè	28,58%	28,58%	342.900	3.429.000.000			3.429.000.000		
4 Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	150.000	1.500.000.000			1.500.000.000		
5 Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%	918.000	9.180.000.000			-		
6 Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	29,99%	29,99%	300.000	3.000.000.000			3.000.000.000		
7 Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%	1.536.000	15.360.000.000			15.360.000.000		
8 Công ty Cổ phần Truyền thông & Du lịch NBC	45,43%	45,43%	1.440.000	14.400.000.000			14.400.000.000		
9 Công ty Cổ phần Truyền thông Nhà Bè			56.000	560.000.000			560.000.000		
10 Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	25,00%	25,00%	750.000	7.500.000.000			7.500.000.000		

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Tên công ty	Tỷ lệ		30/06/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				31.256.863.385	-	-	34.125.613.385	1.530.000.000	-
Đầu tư trái phiếu				-	-	-	1.530.000.000	1.530.000.000	-
1 Công ty CP May An Nhon				-	-	-	1.530.000.000	1.530.000.000	-
Đầu tư khác				31.256.863.385	-	-	32.595.613.385	-	-
1 Tổng Công ty May Việt Thắng - Công ty cổ phần	1,86%	1,86%		5.337.100.000			5.337.100.000		
2 Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Bình Thắng	18,02%	18,02%		5.802.843.385			5.802.843.385		
3 Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000			7.161.920.000		
4 Công ty CP BĐS Dệt may Việt Nam	10,88%	10,88%		3.480.000.000			3.480.000.000		
5 Công ty CP May Nam Định	0,00%	0,00%		-			1.338.750.000		
6 Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000			4.225.000.000		
7 Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%		5.250.000.000			5.250.000.000		
Tổng				257.672.871.825	-	-	245.895.803.579	9.093.360.000	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	282.955.478.258	282.955.478.258	280.376.891.231	280.376.891.231
Công ty CP Máy Bình Thuận	5.085.272.154	5.085.272.154	8.481.939.054	8.481.939.054
Công ty CP Máy Nhà Bè - Đức Linh	7.952.382.758	7.952.382.758	9.173.315.480	9.173.315.480
Công ty CP Máy Gia Lai	14.666.005.759	14.666.005.759	11.612.883.727	11.612.883.727
Công ty CP Máy Nhà Bè- Hậu Giang	7.321.718.640	7.321.718.640	9.183.944.951	9.183.944.951
Công ty CP Máy Phù Cát	13.469.382.763	13.469.382.763	12.010.430.818	12.010.430.818
Công ty CP Máy Tam Quan	18.034.004.304	18.034.004.304	12.519.303.216	12.519.303.216
Công ty CP Máy Tây Sơn	323.499.975	323.499.975	7.617.743.899	7.617.743.899
Công ty TNHH Máy XK Việt Thành	6.599.314.711	6.599.314.711	9.087.374.664	9.087.374.664
Kufner Hong Kong Ltd.	14.019.206.538	14.019.206.538	7.442.729.479	7.442.729.479
Motives (Far East) Ltd.	3.472.282.243	3.472.282.243	7.561.243.477	7.561.243.477
Công ty CP Máy Đà Lạt	6.866.503.019	6.866.503.019	6.087.164.354	6.087.164.354
Freudenberg & Vilene International Ltd.	7.542.548.266	7.542.548.266	4.706.661.541	4.706.661.541
Nataka Corporate Private Ltd.	10.004.663.500	10.004.663.500	-	-
SHANGHAI WEISHI MACHINERY CO., LTD	7.191.233.663	7.191.233.663	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	160.407.459.965	160.407.459.965	174.892.156.571	174.892.156.571
b) Dài hạn	695.016.500	695.016.500	1.023.054.500	1.023.054.500
Công ty CP Long Phương Đông	695.016.500	695.016.500	1.023.054.500	1.023.054.500
Tổng	283.650.494.758	283.650.494.758	281.399.945.731	281.399.945.731

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

	01/01/2018 VND	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2018 VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.150.437.456	9.656.879.321	10.194.274.773	2.613.042.004
Thuế XNK	9.430.344	172.655.726	149.449.624	32.636.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	119.737.206	6.794.513.908	6.914.251.114	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.306.732.060	4.864.417.575	5.317.041.297	1.854.108.338
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	352.707.967	352.707.967	-
Thuế môn bài	-	44.000.000	44.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	701.536.667	3.334.557.070	2.313.715.133	1.722.378.604
Tổng	6.287.873.733	25.219.731.567	25.285.439.908	6.222.165.392
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	439.048	439.048
Thuế XNK	1.726.770.076	2.421.841.119	2.520.772.606	1.825.701.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.995.298.233	1.995.298.233
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	44.039.138	44.039.138	-	-
Tổng	1.770.809.214	2.465.880.257	4.516.509.887	3.821.438.844

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09A-DN

5.11 Chi phí phải trả

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	24.006.153.172	39.966.664.735
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	8.500.168.402	16.856.673.709
Chi phí nguyên vật liệu - Vải chính	9.192.045.622	15.653.370.559
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.384.411.229	6.380.608.250
Chi phí phải trả khác	1.929.527.919	1.076.012.217
b) Dài hạn	-	-
Tổng	24.006.153.172	39.966.664.735

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	5.912.065.863	12.054.922.758
Doanh thu nhận trước	5.912.065.863	12.054.922.758
b) Dài hạn	24.917.461.925	22.869.583.121
Doanh thu nhận trước	24.917.461.925	22.869.583.121
Tổng	30.829.527.788	34.924.505.879

5.13 Phải trả khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	36.345.823.476	21.527.938.855
Kinh phí công đoàn	1.526.196.091	2.306.302.267
Bảo hiểm xã hội	5.935.261.049	942.447.755
Bảo hiểm y tế	2.288.822.995	1.920.452.105
Bảo hiểm thất nghiệp	770.130.573	647.468.034
Cổ tức phải trả	15.975.350.000	
Phải trả khác	9.850.062.768	15.711.268.694
- Công ty CP May Gia Lai	3.761.748.962	3.761.748.962
- Công ty CP May Bưu Long	1.174.114.171	1.174.114.171
- Công ty CP May Phú Thịnh - Nhà Bè	-	2.000.000.000
- Phải trả khác	4.914.199.635	8.775.405.561
b) Dài hạn	3.546.246.092	4.794.960.183
Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Tam Quan	1.141.235.092	2.282.470.183
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.405.011.000	2.512.490.000
Tổng	39.892.069.568	26.322.899.038

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2018 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.562.584.201.086	1.562.584.201.086	1.667.840.503.575	1.446.946.257.523	1.341.689.955.034	1.341.689.955.034
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.546.747.205.312</i>	<i>1.546.747.205.312</i>	<i>1.667.337.667.706</i>	<i>1.429.012.419.050</i>	<i>1.308.421.956.656</i>	<i>1.308.421.956.656</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [1]	750.072.548.939	750.072.548.939	858.779.303.045	788.127.495.294	679.420.741.188	679.420.741.188
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 [2]	533.563.137.328	533.563.137.328	534.052.998.273	214.768.390.660	214.278.529.715	214.278.529.715
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn [3]	29.315.899.681	29.315.899.681	29.318.749.412	928.401.584	925.551.853	925.551.853
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh [4]	57.483.912.999	57.483.912.999	57.648.055.017	60.615.940.461	60.451.798.443	60.451.798.443
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) [5]	15.352.180.190	15.352.180.190	25.434.338.202	18.192.034.435	8.109.876.423	8.109.876.423
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn [6]	160.959.526.175	160.959.526.175	162.104.223.757	346.380.156.616	345.235.459.034	345.235.459.034
Nợ dài hạn đến hạn trả	15.836.995.774	15.836.995.774	502.835.869	17.933.838.473	33.267.998.378	33.267.998.378
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD	9.594.170.000	9.594.170.000	27.729.260	10.076.599.260	19.643.040.000	19.643.040.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	1.540.000.000	1.540.000.000	-	2.905.672.000	4.445.672.000	4.445.672.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	4.241.959.132	4.241.959.132	473.738.300	4.258.898.942	8.027.119.774	8.027.119.774
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	460.866.642	460.866.642	1.368.309	692.668.271	1.152.166.604	1.152.166.604

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/06/2018 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	79.041.671.507	79.041.671.507	7.045.011.190	473.738.300	72.470.398.617	72.470.398.617
Từ 12 đến 60 tháng						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - USD [7]	33.443.185.000	33.443.185.000			33.443.185.000	33.443.185.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND [7]	5.420.000.000	5.420.000.000			5.420.000.000	5.420.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD [8]	3.686.932.675	3.686.932.675			3.686.932.675	3.686.932.675
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND [8]	36.491.553.832	36.491.553.832	7.045.011.190	473.738.300	29.920.280.942	29.920.280.942
Tổng	1.641.625.872.593	1.641.625.872.593	1.674.885.514.765	1.447.419.995.823	1.414.160.353.651	1.414.160.353.651

[1] Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 0010/1828/C-CTDDN1 ngày 18/01/2018. Hạn mức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thư tín dụng, hạn mức khác là: 800.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo.

[2] Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4: Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT908-NHABECO ký ngày 04/05/2018. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND. Thời hạn vay đến 30/04/2019. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo.

[3] Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 0231-HĐTD.VIB625.17 ngày 10/07/2017. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay đáp ứng về nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh ngành dệt may của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo.

[4] Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh TP.HCM (sau đổi tên thành Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) Hợp đồng tín dụng số 161026-SDBS1 ký ngày 08/09/2017. Hạn mức tín dụng là 1.000.000 USD. Thời hạn vay đến 31/08/2018. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

[5] Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam): Thư cấp Hạn mức tín dụng số BFL18-29 ngày 23/04/2018. Hạn mức tín dụng là 5.000.000 USD. Loại tín dụng là bảo lãnh nhận hàng. Thời hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay Tài trợ vốn lưu động bao gồm nhưng không giới hạn các khoản thanh toán dịch vụ, tiện ích và lương; tài trợ hoạt động xuất nhập khẩu; bảo lãnh nhận hàng. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm là không có tài sản đảm bảo.

[6] Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Sài Gòn: Văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2017/93189/HĐTD ngày 09/08/2017, hạn mức cấp tín dụng là 400.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động/ bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 09/08/2018. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

[7] Vay dài hạn của ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, gồm các Hợp đồng vay số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014, hạn mức vay không vượt quá 18.072.753.342 VND; Hợp đồng vay số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014, hạn mức vay 5.690.000 USD. Mục đích vay để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay.

[8] Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam: gồm các Hợp đồng vay số 01/2018-HDDCVDDADDT/NHCT908-NHABECO ngày 04/06/2018, hạn mức vay không vượt quá 32.000.000.000 VND; Hợp đồng vay số 01/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 21/04/2017, hạn mức vay không vượt quá 21.300.000.000 VND; Hợp đồng vay số 02/2017-HĐCVDADT-SĐBS02/NHCT908-NBC ngày 18/09/2017, hạn mức vay không vượt quá 36.000.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lệ theo quy định. Phương thức cho vay từng lần. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2017-HĐTC MMTB/NHCT908 và cam kết bảo lãnh bằng tài sản.

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	39.860.750.361	39.860.750.361
Dự phòng quỹ tiền lương	39.860.750.361	39.860.750.361
b) Dài hạn	-	-
Tổng	39.860.750.361	39.860.750.361

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	92.342.496.709	305.742.394.422
Tăng trong năm	-	-	74.002.044.917	74.002.044.917
Lợi nhuận sau thuế	-	-	74.002.044.917	74.002.044.917
Giảm trong năm	-	-	57.340.327.188	57.340.327.188
Chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng (*)	-	-	8.140.224.940	8.140.224.940
Quỹ phúc lợi (*)	-	-	3.700.102.246	3.700.102.246
Giảm khác	-	-	2	2
Số dư tại 31/12/2017	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151
Số dư tại 01/01/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	109.004.214.438	322.404.112.151
Tăng trong kỳ	-	-	34.633.329.031	34.633.329.031
Lợi nhuận sau thuế	-	-	34.633.329.031	34.633.329.031
Giảm trong kỳ	-	-	51.041.332.645	51.041.332.645
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	45.500.000.000	45.500.000.000
Quỹ khen thưởng (**)	-	-	3.809.666.193	3.809.666.193
Quỹ phúc lợi (**)	-	-	1.731.666.452	1.731.666.452
Số dư tại 30/06/2018	182.000.000.000	31.399.897.713	92.596.210.824	305.996.108.537

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 27/18/HĐQT ngày 21 tháng 05 năm 2018 về việc phân phối lợi nhuận năm 2017.

(**) Theo tờ trình ngày 05 tháng 06 năm 2018 về việc dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/06/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	50.400.000.000	27,69%	50.400.000.000	27,69%
Công ty Cổ phần 4M	17.800.000.000	9,78%	17.800.000.000	9,78%
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Biển Bom	491.220.000	0,27%	491.220.000	0,27%
Các cổ đông khác	113.308.780.000	62,26%	113.308.780.000	62,26%
Tổng	182.000.000.000	100%	182.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	182.000.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45.500.000.000	45.500.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	31.399.897.713	31.399.897.713
Tổng	31.399.897.713	31.399.897.713

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.555.448.742.853	1.336.724.088.561
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.473.413.100.734	1.315.378.414.691
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	7.000.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	82.035.642.119	14.345.673.870
Các khoản giảm trừ doanh thu	8.294.047.585	5.534.026.752
Chiết khấu thương mại	825.918.457	686.440.598
Hàng bán bị trả lại	7.468.129.128	4.847.586.154
Doanh thu thuần về bán hàng	1.547.154.695.268	1.331.190.061.809

5.18 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.179.475.479.642	1.022.084.638.752
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	1.647.306.797
Giá vốn cung cấp dịch vụ	35.777.485.210	384.731.394
Tổng	1.215.252.964.852	1.024.116.676.943

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	121.167.000	76.671.173
Lãi cho vay	307.746.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.581.705.078	13.924.910.452
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.815.068.318	8.715.583.956
Tổng	17.825.686.396	22.717.165.581

5.20 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	19.577.164.508	11.366.855.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.735.687.775	4.553.650.133
Tổng	26.312.852.283	15.920.505.951

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.21 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên	33.757.960.561	33.403.984.112
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.430.058.313	2.255.864.994
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	1.763.814.387	2.446.084.536
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.281.701.757	961.014.604
Thuế, phí, lệ phí	88.001.090	68.277.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.751.278.385	87.535.738.114
Chi phí bằng tiền khác	9.644.462.109	9.368.271.533
Tổng	147.717.276.602	136.039.235.055

5.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	81.533.555.083	77.162.868.218
Chi phí vật liệu quản lý	6.391.437.620	6.269.699.206
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.102.421.980	2.979.342.278
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.363.933.112	13.259.625.105
Thuế phí và lệ phí	1.217.345.089	1.689.469.273
Chi phí dự phòng	435.863.501	395.923.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.469.525.246	17.914.299.211
Chi phí bằng tiền khác	19.006.192.949	18.356.882.850
Tổng	135.520.274.580	138.028.109.663

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

5.23 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	923.410.910	387.293.541
Thu hồi nguyên vật liệu	92.491.913	-
Xử lý chênh lệch gia công	15.805.094	4.742.439
Thu nhập do xử lý công nợ	59.456	-
Khác	291.275.336	249.693.661
Tổng	1.323.042.709	641.729.641
Chi phí khác		
Xử lý chênh lệch gia công	59.820	70.985.735
Các khoản phạt	6.365.129	211.282.201
Khác	65.788.168	6.009.448
Tổng	72.213.117	288.277.384
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.250.829.592	353.452.257

5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.427.842.939	40.156.152.035
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	3.126.431.679	3.365.115.162
Chi phí không được trừ	2.641.546.504	2.734.782.959
Chi phí khấu hao vượt định mức	474.625.000	419.050.002
Các khoản phạt	10.260.175	211.282.201
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	10.581.705.078	13.924.910.452
Thu nhập từ nhận cổ tức	10.581.705.078	13.924.910.452
Thu nhập chịu thuế	33.972.569.540	29.596.356.745
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	6.794.513.908	5.919.271.349

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	751.546.489.738	579.113.264.952
Chi phí nhân công	352.262.959.863	323.283.606.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.238.563.617	30.577.650.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.011.115.422	345.730.406.147
Chi phí khác bằng tiền	16.431.387.394	19.479.094.129
Tổng	1.498.490.516.034	1.298.184.021.661

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch bán hàng trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng	Cho kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/06/2018	kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	24.100.000	10.839.000
		Khác	12.740.000	-
		Nguyên phụ liệu	12.627.272	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	117.054.222	199.307.850
		Thiết bị các loại	-	30.996.727
		Tiền thuê nhà	163.159.325	189.852.477
		Khác	17.000.000	10.379.373
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	18.850.000	11.806.727
Công ty CP Xây lắp Công nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	36.039.121	36.531.540
		Quần áo	1.054.545	3.572.728
		Tiền thuê nhà	212.836.350	110.200.500
		Khác	-	22.873.219
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	13.923.669	52.530.000
		Quần, áo	1.376.818	-
		Tiền thuê nhà	142.634.700	122.526.000
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	1.071.000	2.635.000
		Quần, áo	4.090.900	3.927.264
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	17.000.000
		Khác	7.785.755	71.668.853
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000	1.700.000
		Khác	10.650.000	4.275.000
		Nguyên phụ liệu	117.370.900	137.320.600
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	3.000.000
		Quần áo	-	579.022.416
		Khác	-	-
Công ty CP May Hậu Giang - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	16.620.000	6.960.000
		Thiết bị các loại	-	5.312.092.249
		Nguyên Phụ Liệu	-	34.448.863
		Khác	3.752.979	1.350.343



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch bán hàng trong kỳ (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng	Cho kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/06/2018	kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	10.212.000	(1.800.000)
Công ty Cổ phần May Tam Quan		Nguyên phụ liệu	-	1.157.809
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	5.100.000
		Tiền thuê nhà	-	72.865.000
		Khác	12.000.000	(59.031.312)
Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	7.437.208	19.351.190
		Tiền thuê nhà	11.764.500	-
		khác	1.517.100	936.170
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo	206.770.000	1.311.229.451
		Nguyên phụ liệu	-	706.154
		khác	12.000.000	1.485.000
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Quần áo	4.647.055.400	9.507.174.690
		Gia công	7.130.000	-
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Quần áo	5.450.000	166.763
		Điện, ăn, nước, thuê máy	62.848.996	-
		Tiền thuê nhà	299.640.000	-
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Khác	7.100.000	7.100.000
		Quần áo	16.123.636	-
Công ty CP May Đức Linh	Công ty con	Quần áo	7.929.259	-
		Nguyên Phụ Liệu	66.598.646	-
		Khác	127.486.919	-
		Thiết bị các loại	9.740.406.105	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	900.000.000	-
		Khác	4.409.091	-

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng	Cho kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/06/2018	kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	8.905.848.274	7.462.228.906
Công ty CP May Gia Lai	Công ty con	Gia công quần áo	34.823.966.067	33.466.746.693
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Gia công quần áo	6.706.748.728	11.378.475.701
Công ty CP May Bình Thuận-NB	Công ty con	Gia công quần áo	8.657.106.592	13.137.963.170
		Hoa hồng đại lý	62.030.999	48.443.727
Công ty CP May Đà Lạt	Công ty con	Gia công quần áo	24.661.054.788	20.025.072.797
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Gia công quần áo	968.284.147	2.267.744.193
Công ty CP May Tam Quan	Công ty con	Gia công quần áo	34.284.543.379	38.075.252.233
		Vận chuyển	37.989.091	-
		Khác	14.727.273	2.500.000
Công ty CP May Hậu Giang	Công ty con	Gia công quần áo	38.104.114.384	32.489.309.512
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Gia công	-	3.271.599.955
		khác	-	187.439.118
		Thiết bị các loại	-	3.679.254.129
Công ty CP May Đức Linh - Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	28.095.203.052	-
		Phí vận chuyển	18.181.818	-
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con	Gia công quần áo	161.545.801	-
Công ty CP Truyền Thông & Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Công cụ dụng cụ	12.350.000	253.490.000
		Khác	1.365.770.462	802.441.470
		Phụ tùng	46.929.992	254.158.065
		Quảng cáo	2.270.000	258.514.500
		Sửa chữa	-	329.848.523
		Văn phòng phẩm	17.800.000	23.379.673
		Phí vận chuyển	691.322.500	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua hàng trong kỳ (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán 6 tháng	Cho kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/06/2018 VND	kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Công ty CP Tư vấn Công Nghệ NB	Công ty liên doanh, liên kết	Văn phòng phẩm	1.940.000	-
		Dịch vụ bảo trì	1.600.000	800.000
		Khác	9.540.000	44.150.000
		Sửa chữa	4.600.000	13.300.000
		Thiết bị các loại	11.327.072.000	25.716.119.320
Công ty CP Xây Lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Sửa chữa	81.758.408	5.262.741.818
		Thiết bị các loại	1.477.838.880	2.634.108.298
		Khác	2.376.799.280	122.283.220
Công ty CP May Phú Thịnh-NB	Công ty liên doanh, liên kết	May gia công	-	1.097.110.383
		CCDC	-	46.200.000
		Thiết bị các loại	450.000.000	3.200.000
Công ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phí vận chuyển	23.645.913.824	-
		Khác	59.438.338.057	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Máy Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khách hàng	31.802.851.985	-
Công ty Cổ Phần Máy Gia Lai	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.428.412.397	4.421.697.997
Công ty Cổ phần Máy Tam Quan	Công ty con	Phải thu khách hàng	11.233.037	715.171.906
Công ty Cổ Phần Máy Bình Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	12.465.479	-
Công ty Cổ phần Xây lắp CN Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	51.062.000	45.734.425
Công ty CP Truyền thông và du lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	-	43.136.500
Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	103.518.420	93.577.193
Công ty Cổ phần Máy Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	12.256.908	5.484.800
Công Ty CP Máy Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khách hàng	7.390.169.860	7.390.169.860
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khách hàng	54.934.000	54.934.000
Công Ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	994.850.000	17.965.364.470
Công ty CP Máy Đức Linh - Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khách hàng	37.272.681.839	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Máy Tam Quan	Công ty con	Phải thu khác	712.161.906	-
Công ty CP Máy An Nhơn	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	916.360.718	916.360.718
Công ty CP Máy Bình Định	Công ty con	Phải thu khác	403.310.873	403.310.873
Công ty CP Máy Gia Phúc	Công ty con	Phải thu khác	20.515.739.726	19.000.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Phải thu khác	24.557.112.329	-
Công ty CP Máy Hậu Giang	Công ty con	Phải thu khác	2.098.920.000	-
Công ty CP Máy Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	30.853.945	-
Công ty CP Xây lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	12.716.525	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển DV-TM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	131.554.359	-
Công ty CP Máy Đức Linh	Công ty con	Phải thu khác	81.637.751	-
Công Ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải thu khác	21.449.243	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên có liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Phải trả người bán	5.277.621.094	8.481.939.054
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Phải trả người bán	6.866.503.019	6.087.164.354
Công ty CP May An Nhơn	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.841.991.780	3.640.723.706
Công ty CP May Bình Định	Công ty con	Phải trả người bán	1.679.771.206	4.573.178.163
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả người bán	14.666.005.759	11.612.883.727
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Phải trả người bán	18.034.004.304	12.519.303.216
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Phải trả người bán	6.218.848.629	6.211.407.859
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Phải trả người bán	7.321.718.640	9.183.944.951
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	2.985.796	3.038.400
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	1.694.677.300	-
Công ty CP Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	382.028.290	-
Công ty CP May Sông Tiền	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	3.422.124	1.678.693.895
Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty liên doanh, liên kết	Phải trả người bán	344.990	344.990
Công Ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty con	Phải trả người bán	7.979.486.758	9.173.315.480
Công ty Cổ Phần May Gia Lai	Công ty con	Phải trả khác	-	521.000.000
Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Trả trước cho người bán	-	24.673.585
Công ty CP May Gia Phúc	Công ty con	Trả trước cho người bán	5.334.240.606	5.334.240.606
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Trả trước cho người bán	14.665.565.834	11.800.000.000
Công ty CP Đầu Tư & Phát triển DVTM Nhà Bè	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	25.000.000
Công ty CP Truyền Thông và Du Lịch NBC	Công ty liên doanh, liên kết	Trả trước cho người bán	-	160.213.485

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.761.488.691	103.977.942.158
Phải thu khách hàng và phải thu khác	679.232.232.694	709.912.894.720
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.530.000.000
Tổng	819.993.721.385	815.420.836.878
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.641.625.872.593	1.414.160.353.651
Phải trả người bán và phải trả khác	323.542.564.326	307.722.844.769
Chi phí phải trả	24.006.153.172	39.966.664.735
Tổng	1.989.174.590.091	1.761.849.863.155

Các loại công cụ tài chính

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, Tổng Công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, Công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	319.301.301.734	4.241.262.592	323.542.564.326
Chi phí phải trả	24.006.153.172	-	24.006.153.172
Các khoản vay	1.562.584.201.086	79.041.671.507	1.641.625.872.593
Tổng	1.905.891.655.992	83.282.934.099	1.989.174.590.091
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2018			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	301.904.830.086	5.818.014.683	307.722.844.769
Chi phí phải trả	39.966.664.735	-	39.966.664.735
Các khoản vay	1.341.689.955.034	72.470.398.617	1.414.160.353.651
Tổng	1.683.561.449.855	78.288.413.300	1.761.849.863.155

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.761.488.691	-	140.761.488.691
Phải thu khách hàng và phải thu khác	656.097.053.368	23.135.179.326	679.232.232.694
Đầu tư tài chính khác	-	-	-
Tổng	796.858.542.059	23.135.179.326	819.993.721.385
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.977.942.158	-	103.977.942.158
Phải thu khách hàng và phải thu khác	687.440.066.048	22.472.828.672	709.912.894.720
Đầu tư tài chính khác	-	1.530.000.000	1.530.000.000
Tổng	791.418.008.206	24.002.828.672	815.420.836.878

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

6.3 Thông tin so sánh

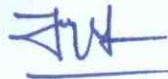
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thủy Dung

Huỳnh Văn Phát

Nguyễn Ngọc Lân

